

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014

Hà Nội, Tháng 11 năm 2014

Quý vị có thể xem hoặc download toàn văn Báo cáo tài chính này tại website: ytevietnhat.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	08 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2014 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty và Tập đoàn trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Hường	Chủ tịch
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Thành viên
Ông Phạm Văn Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Thành viên
Bà Hồ Bích Ngọc	Thành viên
Ông Hori Shinichiro	Thành viên (Đến ngày 24 tháng 06 năm 2013)
Ông Hosono Kyohei	Thành viên
Ông Tashiro masaaki	Thành viên (Bắt đầu từ ngày 24 tháng 06 năm 2013)
Ông Mark Gerald Gillin	Thành viên (Bắt đầu từ ngày 24 tháng 06 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Hường	Giám đốc
Bà Nguyễn Phương Hạnh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Thanh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty và Tập đoàn có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty và Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn ở bất kỳ thời

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18 BT5, KĐT Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty và Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Văn Hương

Giám đốc

Ngày 13 tháng 11 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014	01/01/2014
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
TÀI SẢN				
A. Tài sản ngắn hạn				
[(100)=110+120+130+140+150]	100		1,301,035,243,652	1,157,871,878,384
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		50,653,718,469	56,582,159,848
1. Tiền	111	V.01	50,653,718,469	56,582,159,848
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		896,428,679,494	621,288,323,452
1. Phải thu khách hàng	131		660,859,674,791	407,408,872,852
2. Trả trước cho người bán	132		236,371,072,599	215,267,911,288
3. Phải thu khác	135		586,472,792	
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(1,388,461,688)	(1,388,460,688)
IV. Hàng tồn kho	140		327,835,146,164	455,691,722,362
1. Hàng tồn kho	141	V.04	327,835,146,164	455,691,722,362
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26,117,649,525	24,309,672,722
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		802,075,159	1,367,071,842
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			6,844,966,309
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		25,315,614,366	16,097,634,571
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		510,815,818,830	472,343,291,725
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8,078,660,949	7,163,209,374
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211	V.08	8,078,660,949	7,163,209,374
II. Tài sản cố định	220		483,868,018,673	448,057,845,564
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	327,905,906,106	375,174,904,801
- Nguyên giá	222		717,110,742,369	732,533,380,993
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(389,204,836,263)	(357,358,476,192)
3. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	32,659,031,088	
- Nguyên giá	225		32,933,527,148	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(274,446,060)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3,803,443,263	4,266,024,201
- Nguyên giá	228		4,989,196,667	4,989,196,667
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,185,753,404)	(723,172,466)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		119,499,598,216	68,616,916,562
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13,278,850,000	13,278,860,000
8. Đầu tư dài hạn khác	258		13,278,850,000	13,278,860,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		5,590,279,208	3,843,376,787
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2,783,431,109	3,232,748,775
2. Tài sản thu nhập hoãn lại	262		568,820,555	
3. Tài sản dài hạn khác	268		2,237,977,544	610,628,012
4. Tài sản thuế hoãn lại	269			
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		1,811,851,072,482	1,630,215,170,109

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

MÁU B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		781,796,721,851	678,759,552,965
I. Nợ ngắn hạn	310		585,140,839,925	612,148,196,515
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	344,865,895,448	394,650,048,445
2. Phải trả người bán	312		76,578,665,199	77,986,113,789
3. Người mua trả tiền trước	313		2,343,897,417	26,601,820,791
4. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	95,296,724,433	82,270,314,920
5. Phải trả người lao động	315		66,096,381	1,655,167,852
6. Chi phí phải trả	316	V.17		967,611,005
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	65,990,861,047	28,017,119,713
II. Nợ dài hạn	330		196,655,881,926	66,611,356,450
1. Phải trả dài hạn người bán	331		105,689,012,502	32,565,027,750
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	90,369,652,563	33,123,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		597,216,861	923,328,700
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		1,030,054,850,631	951,455,617,144
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1,030,054,850,631	951,455,617,144
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		568,185,300,000	568,185,300,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		152,689,048,850	152,689,048,850
3. Vốn khác	413		56,818,330,000	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19,211,335,252	17,127,227,933
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		233,150,236,529	213,454,040,361
Tổng cộng nguồn vốn (430 = 300 + 400)	440		1,811,851,672,482	1,630,215,170,109



Lê Văn Hương
Giám đốc
Ngày 13 tháng 11 năm 2014

Hồ Bích Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Duyên
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014	Từ ngày 01/07/2013 đến ngày 30/09/2013	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	302,336,131,002	106,763,957,189	617,939,147,997	347,882,969,096
2	Các khoản giảm trừ doanh thu					12,440,476	
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ			302,336,131,002	106,763,957,189	617,926,707,521	347,882,969,096
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	202,353,075,730	70,674,021,653	427,986,820,892	242,941,083,518
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		99,983,055,272	36,089,935,536	189,939,886,629	104,941,885,578
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	261,733,457	585,187,297	326,885,239	1,461,731,611
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	11,217,605,523	12,955,654,161	34,548,465,737	42,086,288,599
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11,217,605,523	12,402,330,250	34,410,421,328	40,777,295,451
8	Chi phí bán hàng	24		1,138,842,263	1,267,567,923	3,293,302,523	3,100,653,611
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7,434,303,770	8,958,566,607	26,731,631,960	24,864,753,524
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24+25))	30		80,454,037,173	13,493,334,142	125,693,371,648	36,351,921,455
11	Thu nhập khác	31		67,016,688,188	457,324,879	79,057,582,221	4,604,498,801
12	Chi phí khác	32		52,627,297,602	70,357,144	65,208,459,889	9,076,665,046
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		14,389,390,586	386,967,735	13,849,122,332	(4,472,166,245)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		94,843,427,759	13,880,301,877	139,542,493,980	31,879,755,210
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	21,001,777,118	3,491,166,774	33,429,427,887	10,294,249,208
16	Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	326,111,839		1,173,895,534	2,333,712,403
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60)	60		74,167,762,480	10,389,135,103	107,286,961,627	23,919,218,405
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Giải trình nguyên nhân biến động trong trường hợp kết quả kinh doanh giữa hai kỳ báo vào biến động từ 10% trở lên:

Doanh thu hợp nhất Q3/2014 tăng 183% so với cùng kỳ năm trước tác động chủ yếu từ công ty mẹ do một số dự án của năm trước ngừng năm nay tiếp tục thực hiện. Đồng thời tiếp tục triển khai các dự án mới của năm, trong kỳ có thanh lý một số tài sản của một số dự án có giá trị cao. Các chi phí bán hàng, quản lý, lãi vay vẫn giữ ở mức tương đương. Lợi nhuận sau thuế tăng cao so với cùng kỳ năm trước tương ứng 614%.

Lê Văn Hương
 Giám đốc

Ngày 13 tháng 11 năm 2014

Hồ Bích Ngọc
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 hợp thành Báo cáo tài chính

Nguyễn Thị Phương Duyên
 Người lập biểu

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014

MÃ B 03-DN
 Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thu yết minh	Lũy kế từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/09/2014	Lũy kế từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	1. Lợi nhuận trước thuế	01		139,542,493,930	31,879,755,210
2	2. Điều chỉnh cho các khoản				
	- Khấu hao TSCĐ	02		53,034,504,493	51,165,395,477
	- Các khoản dự phòng	03			
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(221,448,000)	
	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22,664,028,008)	(2,408,077,097)
	- Chi phí lãi vay	06		34,410,421,328	40,777,295,451
	- Lợi thế thương mại	07			(377,290,239)
3	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		204,101,943,713	121,037,078,802
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(298,609,294,006)	173,915,855,043
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		68,494,098,900	(63,992,223,907)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		92,678,853,604	(37,465,020,577)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,014,304,309	(825,267,483)
	- Tiền lãi vay đã trả	13		(32,587,306,705)	(40,777,295,451)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(27,336,063,907)	(51,335,000,000)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7,756,535,948	100,558,126,427
II	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(51,302,512,505)	(166,278,295,192)
2	2. Tiền thu thanh lý tài sản cố định	22		20,909,285,706	2,569,523,810
3	3. Tiền chi đầu tư	23			(24,413,600,000)
5	5. Tiền thu hồi đầu tư	25			22,000,000,000
7	7. Tiền thu lãi tiền gửi và hoạt động đầu tư	27		103,297,931	1,343,185,301
8	8. Mua công ty con	28			17,008,954,537
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30,289,928,878)	(147,770,231,544)
III	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31			148,117,502,850
3	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		297,305,689,880	404,273,043,378
4	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(280,700,698,309)	(474,950,558,123)
5	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16,604,991,551	77,439,988,105
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(5,928,401,379)	30,227,882,988
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		56,582,159,848	11,878,861,197
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		50,653,758,469	42,106,744,185

Lê Văn Hương
 Giám đốc
 Ngày 13 tháng 11 năm 2014

Hồ Bích Ngọc
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Duyên
 Người lập biểu

I. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất quý của Công ty cho giai đoạn từ 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”). Các hoạt động chính của Công ty và công ty con là:

- Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế;
- Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế;
- Sản xuất, lắp ráp thiết bị y tế;
- Cho thuê, khai thác thiết bị y tế;
- Sản xuất, lắp ráp, gia công trong nước và xuất khẩu: linh kiện, thiết bị y tế; linh kiện, thiết bị điện tử; và
- Phòng khám đa khoa (không kinh doanh tại trụ sở).

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014, Tập đoàn gồm có một Trụ sở chính tại Hà Nội, một chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, một chi nhánh tại Thủ đô Phnom Penh (Campuchia) và một công ty con như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; Lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế.	100%

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30/09/2014, Tập đoàn có 318 nhân viên (Tại ngày 30/09/2013 là: 307 nhân viên).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1.Kỳ kế toán năm: Trước năm 2014, năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 đến hết 31/12. Tuy nhiên ngày 19 tháng 12 năm 2013 Tập đoàn đã đăng ký với cơ quan thuế thay đổi niên độ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và tại Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua đổi kỳ kế toán bắt đầu 01/04 kết thúc vào 31/03.

Báo cáo tài chính hợp nhất này cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2014 đến 30/09/2014.

2.Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Tập đoàn áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÁU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn.

3. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải thu, theo từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết phải thu ngắn hạn, phải thu dài hạn và ghi chép theo từng lần thanh toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị tanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tình trạng quá hạn

- Từ 6 tháng đến 1 năm
- Từ 1 năm đến 2 năm
- Từ 2 năm đến 3 năm
- Trên 3 năm

Tỷ lệ dự phòng

- 30% giá trị khoản nợ phải thu quá hạn
- 50% giá trị khoản nợ phải thu quá hạn
- 70% giá trị khoản nợ phải thu quá hạn
- 100% giá trị khoản nợ phải thu quá hạn

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp

Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định Kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 24/05/2013 của Bộ tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Phí chuyển giao công nghệ sản xuất lò đốt rác thải y tế được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình, phí chuyển giao công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Phương tiện, dụng cụ quản lý	03 - 08

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị tài sản cố định vô hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

7. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí phát sinh phục vụ hoạt động liên kết với các bệnh viện được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm.

9. Vốn chủ sở hữu, trích lập quỹ

(a) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính. Việc trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm dựa trên tỷ lệ phần trăm theo quyết định của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Các quỹ được sử dụng cho các mục đích cụ thể theo quyết định của cổ đông.

(b) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(c) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

10. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp Tập đoàn bị lỗ, Tập đoàn có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

11. Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin về ý nghĩa của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(a) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp

Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và

Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

Các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai; gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu; hoặc
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.

(b) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính trong bảng cân đối kế toán và kết quả kinh doanh hợp nhất. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

12. Ghi nhận doanh thu, chi phí

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với hoạt động liên kết với các bệnh viện, doanh thu được ghi nhận căn cứ vào Biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và bệnh viện.

Chi phí

Chi phí hoạt động phát sinh trong năm được tập hợp theo thực tế phát sinh và ước tính đúng kỳ kế toán.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

14. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Thuế

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Cơ sở hợp nhất và lợi thế thương mại**a. Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

b. Hợp nhất nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm toán tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể hiện được tại các thời điểm hiện tại.

c. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập, các chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

d. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Công ty trong giá trị thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán máy móc thiết bị y tế: đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế, buôn bán linh kiện thiết bị y tế và linh kiện điện tử;
- Liên kết thiết bị y tế: khai thác thiết bị y tế dưới hình thức hợp đồng liên kết khai thác với các bệnh viện;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

	Hoạt động bán máy móc thiết bị y tế 30/09/2014 VND	Hoạt động liên kết với các bệnh viện 30/09/2014 VND	Hoạt động khác 30/09/2014 VND	Loại trừ 30/09/2014 VND	Tổng cộng 30/09/2014 VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	1.169.279.559.334	542.162.030.482	17.577.266.765	-	1.667.956.079.161
Tài sản không phân bổ					82.832.215.901
Tổng tài sản hợp nhất	1.169.279.559.334	542.162.030.482	17.577.266.765	-	1.811.851.072.482
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	687.615.777.748	21.193.077.476	21.193.077.476	-	719.098.380.690
Nợ phải trả không phân bổ					66.056.657.428
Tổng nợ phải trả hợp nhất	687.615.777.748	21.193.077.476	21.193.077.476	-	781.796.721.851

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014

	Hoạt động bán máy móc thiết bị y tế 01/01/2014 VND	Hoạt động liên kết với các bệnh viện 01/01/2014 VND	Hoạt động khác 01/01/2014 VND	Loại trừ 01/01/2014 VND	Tổng cộng 01/01/2014 VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	1.084.841.899.579	440.681.816.543	26.801.210.939	-	1.552.324.927.061
Tài sản không phân bổ					77.890.243.048
Tổng tài sản hợp nhất	1.084.841.899.579	440.681.816.543	26.801.210.939	-	1.630.215.170.109
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	627.641.455.399	12.085.630.458	8.392.568.538	-	648.119.654.395
Nợ phải trả không phân bổ					30.639.898.570
Tổng nợ phải trả hợp nhất	627.641.455.399	12.085.630.458	8.392.568.538	-	678.759.552.965

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Từ Hiệp

Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động liên kết với các bệnh viện	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
	Quý 3/2014 VND	Quý 3/2014 VND	Quý 3/2014 VND	Quý 3/2014 VND	Quý 3/2014 VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	256.244.817.244	38.305.414.873	7.785.898.885	-	302.336.131.002
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác					
Tổng Doanh thu	256.244.817.244	38.305.414.873	7.785.898.885	-	302.336.131.002
Khấu hao và chi phí phân bổ	191.652.797.292	18.096.099.392	1.177.325.079		210.926.221.763
Kết quả kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	64.592.019.952	20.209.315.481	6.608.573.806		91.409.909.239
Chi phí không phân bổ					
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	64.592.019.952	20.209.315.481	6.608.573.806		91.409.909.239
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-		-
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-		261.733.457
Lãi (lỗ) khác					(14.389.390.586)
Chi phí tài chính					11.217.605.523
Lợi nhuận trước thuế					94.843427.759
Chi phí thuế TNDN					21.001.777.118
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại					(326.111.839)
Lợi nhuận trong kỳ					74.167.762.480

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp

Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động liên kết với các bệnh viện	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
	Quý 3/2013	Quý 3/2013	Quý 3/2013	Quý 3/2013	Quý 3/2013
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	73,478,770,588	27,067,530,692	6,217,655,909	-	106,763,957,189
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	73,478,770,588	27,067,530,692	6,217,655,909	-	106,763,957,189
Khấu hao và chi phí phân bổ	58,532,601,567	21,188,691,293	1,178,863,324	-	80,900,156,183
Kết quả kinh doanh					
Kết quả kinh doanh bộ phận	14,946,169,021	5,878,839,399	5,038,792,585	-	25,863,801,006
Chi phí không phân bổ					
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14,946,169,021	5,878,839,399	5,038,792,585	-	25,863,801,006
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	585,187,297
Lãi (lỗ) khác					386,967,735
Chi phí tài chính					12,955,654,161
Lợi nhuận trước thuế					13,880,301,877
Chi phí thuế TNDN					3,491,166,774
Lợi nhuận trong năm					10,389,135,103

18. Hợp nhất kinh doanh

Vào ngày 2 tháng 5 năm 2013, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 4.070.000 cổ phần của Công ty cho các cổ đông của Công ty Cổ phần Kyoto Medical Science để hoán đổi lấy toàn bộ 5.500.000 cổ phần của công ty này. Theo đó, lợi ích vốn cổ phần và quyền kiểm soát của Công ty tại Công ty Cổ phần Kyoto Medical Sciences là 100%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Việc mua thêm cổ phần ở công ty con này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi nhận trước thời điểm mua	Các điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.008.954.537	-	17.008.954.537
Phải thu ngắn hạn	39.253.128.759	-	39.253.128.759
Hàng tồn kho	31.188.948.981	12.526.020.798	43.714.969.779
Tài sản ngắn hạn khác	6.570.859.788	-	6.570.859.788
Tài sản cố định	41.553.964.269	4.643.152.940	46.197.117.209
Tài sản dài hạn khác	53.399.118	-	53.399.118
Nợ ngắn hạn	(75.239.253.401)	-	(75.239.253.401)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	(4.292.293.435)	(4.292.293.435)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	60.390.001.988	12.876.880.303	73.266.882.291
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con			(413.882.291)
Khoản thanh toán cho việc mua			72.853.000.000

Khoản chênh giữa giá trị thuần của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được cao hơn chi phí mua là 413.882.291 đồng được hạch toán như một khoản thu nhập khác vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/09/2014	Tại ngày 01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	46.046.937.000	15.700.331.784
Tiền gửi ngân hàng	4.606.821.459	40.881.828.064
Cộng	50.653.758.459	56.582.159.848

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

Tên khách hàng	Tại 30/09/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Bệnh viện Châm Cứu	6.347.997.500	-
Bệnh viện đk tỉnh Phú Thọ	27.030.792.175	1.004.725.150
Cty TNHH ĐTCG CNCS Hạ Long	20.007.889.745	25.007.889.745
Cty TNHH bệnh viện Quốc tế Hạ Long	22.548.344.998	22.548.344.998
Tổng cục Hậu Cần – Bộ Công An	7.980.000.000	(4.370.400.000)
WB Đồng Tháp	15.039.000.000	
Các đối tượng khác	561.905.650.373	363.218.312.959
Cộng	660.859.674.791	407.408.872.852

3. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/09/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Hàng đang đi đường		6.364.538.524
Hàng hóa	324.267.258.818	448.746.984.236
Hàng gửi đi bán	2.985.923.512	-
Nguyên vật liệu	28.092.390	47.085.022
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	212.028.233	212.028.233
Thành phẩm	341.843.211	321.086.347
Cộng	327.835.146.164	455.691.722.362

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014, hàng hóa với giá trị là 225.445 triệu VNĐ đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng.

4. Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/09/2014	Tại ngày 01/01/2014
Tạm ứng	23.584.846.850	14.648.927.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	802.035.159	1.367.071.842
Các khoản ký quỹ	1.730.777.516	1.448.707.571
Thuế GTGT còn được khấu trừ		6.844.966.309
Tài sản ngắn hạn khác	-	-
Cộng	26.117.659.525	24.309.672.722

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Từ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động tài chính
 Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2014	1.025.186.364	708.120.539.808	21.627.409.950	1.760.244.871	732.533.380.993
Tăng trong kỳ	-	979.487.578		178.095.299	1.157.582.877
Mua công ty con	-				
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang TSCĐ	-				
Thanh lý trong kỳ	-	(75.942.698.739)			(75.942.698.739)
Chuyển sang hàng tồn kho	-				
Chuyển từ HTK sang TSCĐ	-	59.362.477.238			59.362.477.238
Phân loại lại(*)	-				
Tại ngày 30/09/2014	1.025.186.364	692.519.805.885	21.627.409.950	1.938.340.170	717.110.742.369
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2014	340.356.699	341.565.885.554	14.279.798.908	1.172.435.031	357.358.476.192
Tăng trong kỳ	88.460.235	50.975.392.486	1.112.806.394	120.818.380	52.297.477.495
Mua công ty con					
Thanh lý trong kỳ		(20.451.117.424)			(20.451.117.424)
Chuyển sang hàng tồn kho					
Phân loại lại(*)					
Tại ngày 30/09/2014	428.816.934	372.890.160.616	15.392.605.302	1.293.253.411	389.204.836.263
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2014	684.829.665	366.554.654.254	7.347.611.042	587.809.840	375.174.904.801
Tại ngày 30/09/2014	596.369.430	320.429.645.261	6.234.804.648	645.086.759	327.905.906.106

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 09 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 244.492 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng.

Tại ngày này, một số tài sản cố định của công ty với giá trị còn lại là 191.357 triệu VNĐ được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng.

6. Tài sản thuê tài chính

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
--	---	--	---	---	---------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Nguyên giá

Tại ngày 01/01/2014

Tăng trong kỳ	-	32.933.527.148	32.933.527.148
---------------	---	----------------	----------------

Tại ngày 30/09/2014		32.933.527.148	32.933.527.148
---------------------	--	----------------	----------------

Hao mòn

Tại ngày 01/01/2014

Tăng trong kỳ	-	274.446.060	274.446.060
---------------	---	-------------	-------------

Tại ngày 30/09/2014		274.446.060	274.446.060
---------------------	--	-------------	-------------

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2014

Tại ngày 30/09/2014		32.659.081.088	32.659.081.088
---------------------	--	----------------	----------------

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 30/09/2014	Tại ngày 01/01/2014
	VND	VND
Bệnh viện Đk Phú Thọ(1)	7.000.000.000	7.000.000.000
TT trị liệu bệnh viện C(2)	6.278.860.000	6.278.860.000
Cộng	13.278.860.000	13.278.860.000

(1) Theo hợp đồng liên kết đầu tư giữa Công ty và bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ ký ngày 10 tháng 9 năm 2007. Công ty đã góp 7 tỷ đồng tiền mặt để xây dựng trung tâm khám chữa bệnh chất lượng cao.

(2) Theo biên bản thỏa thuận giữa các nhà đầu tư trung tâm trị liệu ung thư bệnh viện C Thái Nguyên, Công ty Việt Nhật đầu tư vào trung tâm trị liệu ung thư với tổng trị giá là 301.000\$.

7. Vay và nợ ngắn hạn

	Tại ngày 30/09/2014	Tại ngày 01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	318.180.395.448	373.530.048.445
Vay dài hạn đến hạn trả	26.685.000.000	21.120.000.000
Cộng	344.865.395.448	394.650.048.445

Trong đó:

Ngân hàng 1	225.803.031.633	288.284.572.846
Ngân hàng 2	39.550.887.817	30.242.020.136
Ngân hàng 3	-	3.732.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ngân hàng 4	39.437.896.282	34.259.000.000
Ngân hàng 5	13.388.579.716	17.012.455.463
Cộng	318.180.395.448	373.530.048.445

Các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị y tế với giá trị còn lại là 54.836 triệu VNĐ và hàng hóa có giá trị ghi sổ là 225.445 triệu VNĐ.

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/09/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.514.723.071	-
Thuế xuất, nhập khẩu và các loại thuế khác		-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	88.426.889.659	82.096.576.562
Thuế thu nhập cá nhân	70.615.827	72.130.216
Các loại thuế khác	284.495.876	101.608.142
Cộng	95.296.724.433	82.270.314.920

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/09/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Thù lao phải trả HĐQT và BKS	1.748.400.000	666.000.000
Bảo hiểm xã hội	1.097.245.079	290.922.000
Bảo hiểm y tế	198.990.304	54.887.400
Bảo hiểm thất nghiệp	84.605.605	24.243.500
Phải trả về cổ phần hóa	28.409.265.000	
Phải trả, phải nộp khác	34.452.055.059	26.981.066.813
Cộng	65.990.561.047	28.017.119.713

10. Vay và nợ dài hạn

	Tại ngày 30/09/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Vay dài hạn	93.051.246.960	54.243.000.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(26.685.000.000)	(21.120.000.000)
Nợ dài hạn	105.689.012.502	32.565.027.750
Nợ thuê tài chính	24.003.405.603	
Cộng	196.058.665.065	65.688.027.750

Trong đó các khoản vay dài hạn:

Ngân hàng 1	61.866.246.960	33.123.000.000
-------------	----------------	----------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ngân hàng 2	4.500.000.00	
Cộng	66.366.246.960	33.123.000.000

Khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và máy móc thiết bị với giá trị còn lại là 103.861 triệu VNĐ

Trong đó các khoản nợ dài hạn:	Tại ngày 30/09/2014	Tại ngày 01/01/2014
	VND	VND
Nhà cung cấp nước ngoài	105.689.012.502	32.565.027.750
Cộng	105.689.012.502	32.565.027.750

11. Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày						
01/01/2013	354.199.990.000	71.594.546.000		8.623.423.070	263.026.331.657	697.444.290.727
Tăng trong kỳ	99.216.700.000	48.941.502.850				148.117.502.850
Phát hành mua cty con	40.700.000.000	32.153.000.000				72.853.000.000
Lợi nhuận trong kỳ					23.919.218.405	23.919.218.405
Phân bổ cho các quỹ				8.503.804.863	(8.503.804.863)	
Cổ tức			74.111.390.000		(74.111.390.000)	
Các biến động khác					(8.639.322.814)	(8.639.322.814)
Tại ngày						
30/09/2013	494.075.990.000	152.689.048.850	74.111.390.000	17.127.227.933	213.454.040.361	951.455.617.144
Tại ngày						
01/01/2014	568.185.300.000	152.689.048.850		17.127.227.933	213.454.040.361	951.455.617.144
Tăng trong kỳ					107.286.961.627	107.286.961.627
Lợi nhuận trong kỳ					107.286.961.627	107.286.961.627
Phân bổ cho các quỹ				2.084.007.319	(2.084.007.319)	
Cổ tức bằng cổ phiếu			56.818.530.000		(56.818.530.000)	
Cổ tức bằng TM					(28.409.265.000)	(28.409.265.000)
Các biến động khác						
Tại ngày						
30/09/2014	568.185.300.000	152.689.048.850	56.818.530.000	19.211.235.252	233.150.236.529	1.030.054.350.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/09/2014	Tại ngày 01/01/2014
Vốn cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	56.818.530	56.818.530
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	56.818.530	56.818.530
Cộng	56.818.530	56.818.530

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu

13. Các quỹ của doanh nghiệp

	Tại ngày 30/09/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	19.211.235.252	17.127.227.933
Cộng	19.211.235.252	17.127.227.933

Công ty trích lập 5% lợi nhuận sau thuế vào Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014.

VI. Thông tin bổ sung cho các mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu

	Cho giai đoạn từ 01/07/2014 đến 30/09/2014 VND	Cho giai đoạn từ 01/07/2013 đến 30/09/2013 VND
Bán hàng	256.244.817.244	73.478.770.588
Liên kết thiết bị y tế	38.305.414.873	27.067.530.692
Khác	7.785.898.885	6.217.655.909
Cộng	302.336.131.002	106.763.957.189

2. Giá vốn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Cho giai đoạn từ 01/07/2014 đến 30/09/2014 VND	Cho giai đoạn từ 01/07/2013 đến 30/09/2013 VND
Bán hàng	184.386.632.209	51.541.318.885
Liên kết thiết bị y tế	17.009.898.036	18.459.888.736
Khác	956.545.485	672.814.032
Cộng	202.353.075.730	70.674.021.653

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho giai đoạn từ 01/07/2014 đến 30/09/2014 VND	Cho giai đoạn từ 01/07/2013 đến 30/09/2013 VND
Lãi tiền gửi	40.285.457	17.826.799
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	221.448.000	104.952.930
Lãi hoạt động đầu tư		462.407.568
Cộng	261.733.457	585.187.297

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Cho giai đoạn từ 01/07/2014 đến 30/09/2014 VND	Cho giai đoạn từ 01/07/2013 đến 30/09/2013 VND
Chi phí lãi vay	11.217.605.523	12.402.330.250
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	553.323.911
Cộng	11.217.605.523	12.955.654.161

5. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Cho giai đoạn từ 01/07/2014 đến 30/09/2014 VND	Cho giai đoạn từ 01/07/2013 đến 30/09/2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trước hợp	94.843.427.759	13.899.033.709

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

nhất

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.865.554.107	3.474.758.426
Dự phòng thiếu từ các năm trước		
Chi phí không được khấu trừ thuế	136.223.011	16.48.348
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(326.111.839)	
Cộng	20.675.665.275	3.491.166.774

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

a. Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông

	Tại ngày 30/09/2014 VND	Tại ngày 30/09/2013 VND
Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông	107.286.961.627	23.919.218.405

b. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Tại ngày 30/09/2014 VND	Tại ngày 30/09/2013 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	56.818.530	35.419.999
Ảnh hưởng phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ(*)		7.773.889
Điều chỉnh năm trước		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	56.818.530	43.193.888

c. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Tại ngày 30/09/2014 VND	Tại ngày 30/09/2013 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông	107.286.961.627	23.919.218.405
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	56.818.530	43.193.888
	1.888	554

VII. Công cụ tài chính phái sinh

1. Quản lý rủi ro tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng,
- rủi ro thanh khoản, và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Tập đoàn chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu của Tập đoàn.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

Tại ngày 30/09/2014
VND

Tại ngày 01/01/2014
VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền(a)	4.606.821.409	40.881.828.064
Các khoản phải thu khách hàng(b)(Phải thu NH+Dài hạn- Dự phòng)	667.549.875.012	413.183.621.538
	672.156.696.521	454.065.449.602

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(b) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014, các khoản nợ tài chính dài hạn có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ	Trong vòng 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
	VND	VNE	VND
Ngày 30 tháng 09 năm 2014			
Vay ngắn hạn	344.865.395.448	344.865.395.448	
Vay dài hạn	90.369.652.563		90.369.652.563

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
 Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động tài chính
 Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÁU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Phải trả người bán và phải trả khác	248.258.238.748	142.569.226.246	105.689.012.502
	683.493.286.759	487.437.621.694	196.058.665.065

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Vay ngắn hạn	350.028.968.553	350.028.958.553	
Vay dài hạn	52.838.000.000		52.838.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	81.110.852.183	71.706.540.095	9.404.312.088
	483.977.820.736	421.735.508.648	62.242.312.088

4. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(a) Rủi ro tỷ giá

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tiền tệ ngắn hạn vượt mức cho phép.

(b) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014, một số tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

VIII. Các thuyết minh khác**1. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư tài chính**

	Tại ngày 30/09/2014	Tại ngày 30/09/2013
	VND	VND
Các khoản thanh toán phi tiền tệ mua công ty con	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu và dự trả bằng tiền mặt	85.227.795.000	74.111.390.000

2. Các phát sinh khác

CÔNG TY CP THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Biệt thự số 18BT5, KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động tài chính
Từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/09/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI HỢP NHẤT

MAU B 09 -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tại ngày kết thúc kỳ hợp nhất niên độ 30 tháng 09 năm 2014 và ngày lập báo cáo này, Công ty không có sự kiện quan trọng nào ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty



Lê Văn Hương

Giám đốc

Ngày 13 tháng 11 năm 2014

Hồ Bích Ngọc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Duyên

Người lập biểu